

**KẾ HOẠCH**

**Xây dựng cơ sở dữ liệu; phát triển, cấp và quản lý mã số vùng trồng,  
mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn xã Sam Murn giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 16/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định chính sách hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Kế hoạch số 7939/KH-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của UBND tỉnh Điện Biên về xây dựng cơ sở dữ liệu; cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ tình hình thực tế và định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Sam Murn;

UBND xã Sam Murn ban hành Kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu; phát triển, cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn xã Sam Murn giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng, phát triển, cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn xã theo chỉ tiêu được UBND tỉnh giao.

- Từng bước xây dựng, phát triển các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu đối với các cây trồng chính có lợi thế của địa phương, gồm cà phê, mắc ca, dứa, rau màu và cây ăn quả; gắn xây dựng mã số vùng trồng với tổ chức sản xuất, truy xuất nguồn gốc, nâng cao chất lượng, giá trị và khả năng tiêu thụ sản phẩm.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các vùng trồng trên địa bàn; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, chính xác, phục vụ công tác quản lý, theo dõi, truy xuất nguồn gốc và kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

## 2. Yêu cầu

- Việc xây dựng, cấp và quản lý mã số vùng trồng phải phù hợp với nhu cầu thực tế, định hướng phát triển vùng nguyên liệu và điều kiện sản xuất của từng địa bàn; bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành.

- Tập trung rà soát, lựa chọn các vùng sản xuất có quy mô phù hợp, sản xuất ổn định, có khả năng đáp ứng hoặc hoàn thiện các điều kiện cấp mã số; ưu tiên các vùng sản xuất tập trung, các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế và các vùng có khả năng liên kết sản xuất, tiêu thụ.

- Thông tin về vùng trồng phải được rà soát, thu thập, chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên, bảo đảm đầy đủ, chính xác, phục vụ công tác quản lý, kiểm tra và truy xuất nguồn gốc.

- Gắn việc cấp mã số vùng trồng với việc hướng dẫn người sản xuất ghi chép hồ sơ sản xuất, quản lý sinh vật gây hại, sử dụng vật tư nông nghiệp đúng quy định và duy trì các điều kiện của vùng trồng sau khi được cấp mã.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu vùng trồng trên địa bàn xã; phát triển các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu đáp ứng điều kiện cấp mã số vùng trồng, góp phần nâng cao chất lượng, giá trị và khả năng tiêu thụ nông sản của địa phương.

Từng bước hình thành phương thức quản lý vùng trồng theo hướng đồng bộ, có thông tin đầy đủ về địa điểm, diện tích, loại cây trồng, chủ thể sản xuất và các thông tin cần thiết phục vụ quản lý, truy xuất nguồn gốc.

### 2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2026-2030, phấn đấu thực hiện 23 mã số vùng trồng, trong đó:

- Năm 2026: 06 mã
- Năm 2027: 07 mã
- Năm 2028: 03 mã
- Năm 2029: 03 mã
- Năm 2030: 04 mã.

Tập trung rà soát, xây dựng và phát triển các vùng trồng đối với các cây trồng chính trên địa bàn xã gồm cà phê, mắc ca, dứa, rau màu và cây ăn quả; ưu tiên các vùng sản xuất tập trung, có quy mô phù hợp, sản xuất ổn định, có nhu cầu và khả năng đáp ứng điều kiện cấp mã số.

Từng bước xây dựng, chuẩn hóa và cập nhật cơ sở dữ liệu đối với các vùng trồng; bảo đảm thông tin về diện tích, địa điểm, loại cây trồng, chủ thể sản xuất và các thông tin liên quan được cập nhật đầy đủ, chính xác.

Tổ chức quản lý, theo dõi và duy trì các điều kiện đối với các vùng trồng đã được cấp mã số theo quy định.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Rà soát, thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng**

- Rà soát, thống kê diện tích, địa điểm, loại cây trồng, chủ thể sản xuất và tình hình sản xuất tại các vùng trồng trên địa bàn xã; tập trung vào các vùng cà phê, mắc ca, dừa, rau màu, cây ăn quả và các vùng sản xuất có nhu cầu cấp mã số.

- Xác định các vùng sản xuất tập trung có khả năng đáp ứng hoặc có khả năng hoàn thiện các điều kiện đề nghị cấp mã số vùng trồng, làm cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện từng năm.

- Thu thập, chuẩn hóa và cập nhật thông tin về vùng trồng; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, theo dõi, kiểm tra và truy xuất nguồn gốc.

#### **2. Tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất**

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng, cấp và quản lý mã số vùng trồng; nâng cao nhận thức của người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất.

- Hướng dẫn người sản xuất thực hiện ghi chép, lưu giữ hồ sơ sản xuất; quản lý sinh vật gây hại; sử dụng vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật theo quy định; thực hiện các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và duy trì điều kiện của vùng trồng.

- Khuyến khích các hộ sản xuất trong cùng vùng thống nhất phương thức sản xuất, tăng cường liên kết và phối hợp trong quá trình xây dựng, quản lý và duy trì mã số vùng trồng.

#### **3. Phát triển vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu**

- Tập trung phát triển các vùng sản xuất cà phê, mắc ca, dừa, rau màu và cây ăn quả theo hướng tập trung, ổn định, từng bước hình thành vùng nguyên liệu gắn với nhu cầu thị trường.

- Khuyến khích tổ chức sản xuất theo vùng, thống nhất quy trình sản xuất và tăng cường liên kết giữa hộ sản xuất với hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan.

- Ưu tiên các vùng có quy mô phù hợp, sản xuất ổn định, có khả năng kiểm soát quá trình sản xuất và có tiềm năng liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Gắn việc phát triển vùng trồng với các chương trình, dự án phát triển sản xuất, sản phẩm OCOP và định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa của xã.

#### **4. Hướng dẫn đăng ký, tiếp nhận, giải quyết và quản lý mã số vùng trồng**

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đăng ký cấp mã số vùng trồng; phối hợp hoàn thiện thông tin, hồ sơ và các điều kiện cần thiết theo quy định.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ và thực hiện việc tiếp nhận, chuyển xử lý hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công theo quy định; trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

- Phòng Kinh tế xã phối hợp tham mưu, hướng dẫn về chuyên môn, tổng hợp thông tin và phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong quá trình kiểm tra, đánh giá, cấp mã số vùng trồng theo phân cấp và quy định hiện hành.

- Theo dõi, quản lý các vùng trồng sau khi được cấp mã số; cập nhật các thay đổi liên quan đến diện tích, địa điểm, chủ thể, loại cây trồng và các thông tin khác theo quy định.

### **5. Quản lý, giám sát và duy trì mã số vùng trồng**

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc duy trì các điều kiện của vùng trồng đã được cấp mã số; kịp thời hướng dẫn khắc phục những tồn tại, hạn chế phát sinh.

- Kịp thời phát hiện, thông báo và phối hợp xử lý các trường hợp không duy trì điều kiện hoặc có thay đổi thông tin liên quan đến mã số vùng trồng.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân cập nhật thông tin khi có thay đổi về diện tích, chủ thể quản lý, loại cây trồng và các nội dung có liên quan.

- Thực hiện tổng hợp, báo cáo kết quả xây dựng, cấp, quản lý và duy trì mã số vùng trồng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

## **IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

| STT                     | Năm  | Nội dung thực hiện                                                                                                                               | Loại cây trồng                           | Chỉ tiêu MSVT | Ghi chú |
|-------------------------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------|---------|
| 1                       | 2026 | Rà soát, lựa chọn các vùng trồng có nhu cầu và khả năng đáp ứng điều kiện; hướng dẫn hoàn thiện thông tin, hồ sơ và phối hợp thực hiện cấp mã số | Cà phê, mắc ca, dứa, rau màu, cây ăn quả | 6 mã          |         |
| 2                       | 2027 | Tiếp tục rà soát, mở rộng các vùng sản xuất tập trung; hoàn thiện điều kiện, hồ sơ và phối hợp thực hiện cấp mã số                               | Cà phê, mắc ca, dứa, rau màu, cây ăn quả | 7 mã          |         |
| 3                       | 2028 | Phát triển các vùng trồng có nhu cầu; thực hiện cấp mới, quản lý và duy trì các mã số đã cấp                                                     | Cà phê, mắc ca, dứa, rau màu, cây ăn quả | 3 mã          |         |
| 4                       | 2029 | Tiếp tục xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu; cấp mới, quản lý và duy trì các mã số vùng trồng                                                 | Cà phê, mắc ca, dứa, rau màu, cây ăn quả | 3 mã          |         |
| 5                       | 2030 | Hoàn thiện chỉ tiêu giai đoạn; tiếp tục cấp mới, quản lý và duy trì các mã số vùng trồng đã được cấp                                             | Cà phê, mắc ca, dứa, rau màu, cây ăn quả | 4 mã          |         |
| <b>Tổng cộng: 23 mã</b> |      |                                                                                                                                                  |                                          |               |         |

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp; nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, dự án có liên quan; nguồn vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao, tiến độ thực hiện và khả năng cân đối ngân sách, UBND xã chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

- Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, không trùng lặp, chồng chéo giữa các nguồn vốn.

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch không làm phát sinh nghĩa vụ chi ngân sách nhà nước ngoài dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Kinh tế xã**

- Chủ trì tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; xây dựng tiến độ thực hiện hằng năm, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và các thôn, bản triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Tổng hợp nhu cầu xây dựng, phát triển mã số vùng trồng trên địa bàn; trên cơ sở kết quả rà soát thực tế của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã, tổng hợp, xác định các vùng trồng có nhu cầu, quy mô, loại cây trồng và khả năng đáp ứng điều kiện để thực hiện các bước tiếp theo.

- Tham mưu, hướng dẫn về chuyên môn, hồ sơ và các điều kiện liên quan đến việc đăng ký, cấp, quản lý và duy trì mã số vùng trồng; phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong quá trình kiểm tra, đánh giá, cấp và quản lý mã số vùng trồng theo quy định.

- Chủ trì xây dựng, quản lý, cập nhật và tổng hợp cơ sở dữ liệu vùng trồng trên địa bàn xã trên cơ sở thông tin, số liệu do Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, các thôn, bản, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp.

- Tổng hợp kết quả thực hiện, theo dõi việc duy trì các điều kiện của các vùng trồng đã được cấp mã số; tham mưu UBND xã xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền đối với các trường hợp phát sinh theo quy định.

- Tổng hợp, tham mưu UBND xã thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển, cấp, quản lý và duy trì mã số vùng trồng trên địa bàn xã.

### **2. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã**

- Tiếp nhận hồ sơ đề nghị thực hiện thủ tục hành chính về cấp và quản lý mã số vùng trồng theo quy định; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ khi hồ sơ chưa bảo đảm thành phần theo quy định.

- Thực hiện tiếp nhận, số hóa, chuyển hồ sơ đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý và theo dõi tình trạng giải quyết hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công theo quy định.

- Thực hiện trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân; phối hợp với Phòng Kinh tế xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ.

### **3. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã**

- Chủ trì tổ chức rà soát thực tế tại các vùng sản xuất trên địa bàn xã theo kế hoạch và hướng dẫn của UBND xã, Phòng Kinh tế; phối hợp với các thôn, bản, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện.

- Chủ trì kiểm tra, xác định hiện trạng sản xuất tại thực địa, gồm: vị trí, diện tích, loại cây trồng, tình hình sản xuất, số hộ tham gia, hiện trạng canh tác và các thông tin cần thiết khác của vùng trồng; trường hợp cần thiết thực hiện xác định, đối chiếu vị trí, diện tích vùng trồng bằng các phương pháp kỹ thuật phù hợp.

- Tổng hợp kết quả rà soát thực địa, lập danh sách các vùng sản xuất, hộ sản xuất và thông tin liên quan; cung cấp kết quả, số liệu và thông tin thực địa cho Phòng Kinh tế để tổng hợp, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu vùng trồng.

- Phối hợp với Phòng Kinh tế đánh giá sơ bộ khả năng đáp ứng các yêu cầu về sản xuất của từng vùng trồng; cung cấp thông tin phục vụ việc lựa chọn vùng trồng có khả năng xây dựng, đề nghị cấp mã số.

- Hướng dẫn về kỹ thuật sản xuất, ghi chép hồ sơ sản xuất, quản lý sinh vật gây hại, sử dụng vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật theo quy định và các yêu cầu kỹ thuật khác nhằm duy trì điều kiện của vùng trồng.

- Phối hợp theo dõi, kiểm tra tình hình sản xuất và việc duy trì các điều kiện của các vùng trồng đã được cấp mã số; kịp thời cung cấp thông tin cho Phòng Kinh tế để tổng hợp, tham mưu UBND xã xử lý theo quy định.

### **4. Các thôn, bản trên địa bàn xã**

- Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ tổng hợp trong quá trình rà soát thực tế; cung cấp thông tin về diện tích, địa điểm, hộ sản xuất, loại cây trồng và tình hình sản xuất trên địa bàn.

- Thông báo, tuyên truyền và vận động các hộ sản xuất phối hợp cung cấp thông tin, tạo điều kiện để Trung tâm Dịch vụ tổng hợp thực hiện rà soát, kiểm tra thực địa.

- Phối hợp theo dõi tình hình sản xuất tại các vùng trồng; kịp thời thông tin cho Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và Phòng Kinh tế khi có thay đổi về diện tích, loại cây trồng, hộ sản xuất hoặc các nội dung có liên quan đến vùng trồng đã được cấp mã số.

### **5. Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất và các tổ chức, cá nhân có liên quan**

- Chủ động đăng ký nhu cầu xây dựng mã số vùng trồng; cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về diện tích, địa điểm, loại cây trồng, chủ thể sản xuất và các thông tin khác có liên quan.

- Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ tổng hợp trong quá trình rà soát, kiểm tra thực địa và xác định hiện trạng vùng trồng; cung cấp thông tin, hồ sơ sản xuất và tạo điều kiện để thực hiện việc kiểm tra, đánh giá theo quy định.

- Thực hiện các yêu cầu về tổ chức sản xuất, ghi chép và lưu giữ hồ sơ sản xuất, truy xuất nguồn gốc, quản lý sinh vật gây hại, sử dụng vật tư nông nghiệp và duy trì các điều kiện của vùng trồng theo quy định.

- Phối hợp với Phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và cơ quan chuyên môn trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra, đánh giá và quản lý vùng trồng sau khi được cấp mã số.

Trên đây là Kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu; phát triển, cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn xã Sam Mứn giai đoạn 2026-2030. UBND xã Sam Mứn yêu cầu các cơ quan, đơn vị, thôn, bản và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về UBND xã (qua Phòng Kinh tế) để tổng hợp, xem xét, giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã;
- Các HTX, tổ hợp tác, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Các thôn, bản thuộc xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Huyền**